

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HS-ST

Ngày: 16/5/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Hưng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Khánh và ông Hoàng Công Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn L - Tên gọi khác: Không; sinh năm 1990 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L1 và bà Lê Thị S; chưa có vợ con; tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 14/9/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 554, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/4/2008.

- Ngày 26/11/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 07, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/8/2010.

- Ngày 22/02/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 107, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/3/2012.

- Ngày 18/7/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 412, chấp hành xong án phạt tù ngày 28/11/2012.

- Ngày 17/4/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 203, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/12/2017.

- Ngày 17/7/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 313, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2022.

Nhân thân:

- Ngày 07/7/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 352, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/10/2008 (đã được xóa án tích theo Nghị quyết 33/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc Hội).

- Ngày 12/5/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 266, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/7/2009 (đã được xóa án tích theo Nghị quyết 33/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc Hội).

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2023 đến nay (có mặt).

*** Bị hại:**

1. Chị **Phạm Thị Phương T**, sinh năm 1988; nơi cư trú: **Xóm G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An** (vắng mặt).

2. Anh **Chu Minh K**, sinh năm 1978; nơi cư trú: **Xóm H, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An** (vắng mặt).

3. Ông **Nguyễn Xuân T1**, sinh năm 1955; nơi cư trú: **Xóm I, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 20 phút ngày 13/12/2023, **Nguyễn Văn L** đi bộ từ **xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An** đến **xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An** với mục đích trộm cắp tài sản. **L** đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ 50 phút ngày 13/12/2023, **L** đột nhập vào nhà anh **Chu Minh K** lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17K, màu đen, để ở đầu giường phòng ngủ và 01 chiếc ví da màu đen để ở trên ghế trong phòng khách. Khi đi ra đến giữa sân, **L** mở ví lấy 1.000.000 đồng cất vào người rồi vút ví lại rồi tiếp tục đi tìm nhà khác để trộm cắp tài sản. Hội đồng định giá tài sản xác định chiếc điện thoại Oppo A17K có giá trị là 1.800.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, **L** trèo qua bờ tường vào nhà chị **Phạm Thị Phương T** lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh nước biển để ở đầu giường phòng ngủ rồi trèo ra ngoài tiếp tục đi tìm nhà khác để trộm cắp tài sản. Hội đồng định giá tài sản xác định chiếc điện thoại Vivo có giá trị là 1.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 03 giờ 00 phút cùng ngày, **L** trèo tường vào nhà ông **Nguyễn Xuân T1** lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readme, màu xanh nước biển và số tiền 360.000 đồng để ở trên bàn thờ cất vào người rồi trèo ra ngoài đi về nhà mình. Hội đồng định giá tài sản xác định chiếc điện thoại Readme có giá trị là 1.000.000 đồng.

Ngày 14/12/2023, **Nguyễn Văn L** đến trụ sở **Công an xã D** đầu thú, tự nguyện giao nộp 02 chiếc điện thoại di động và số tiền 1.360.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKSDC ngày 08/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An truy tố **Nguyễn Văn L** về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo **Nguyễn Văn L** về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt **Nguyễn Văn L** từ 27 đến 30 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị áp dụng các Điều 584, 586 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho anh **Chu Minh K** 1.800.000 đồng giá trị chiếc điện thoại.

Ông **Nguyễn Xuân T1** và chị **Phạm Thị Phương T** đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận toàn bộ hành vi của mình phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, nội dung cáo trạng, vật chứng thu giữ được cũng như các chứng cứ, tài liệu điều tra khác. Như vậy đã có đủ căn cứ khẳng định trong khoảng thời gian từ 0 giờ 50 phút đến 3 giờ 00 phút ngày 23/12/2023, tại địa bàn xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Văn L đã thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản của anh Chu Minh K, chị Phạm Thị Phương T và ông Nguyễn Xuân T1 gồm 03 chiếc điện thoại di động và số tiền 1.360.000 đồng, tổng trị giá tài sản là 5.660.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Văn L đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về khung hình phạt áp dụng: Bị cáo đã nhiều lần bị kết án và chưa được xóa án tích. Tại bản án số 313/2019/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Trong 03 hành vi trộm cắp mà bị cáo thực hiện lần này, có 01 hành vi bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá trên 2.000.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo với tình tiết định khung hình phạt "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá nhân thân, tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị kết án đều về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, sống có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh chỉ để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân. Bởi vậy, cần phải xử phạt nghiêm và cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt và răn đe, phòng ngừa chung như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt:

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú và khắc phục được phần lớn hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng để giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Yêu cầu của anh **Chu Minh K** về việc buộc **Nguyễn Văn L** bồi thường 1.800.000 đồng giá trị chiếc điện thoại là hoàn toàn chính đáng và hợp pháp nên cần chấp nhận.

Ông **Nguyễn Xuân T1** và chị **Phạm Thị Phương T** đã nhận lại đầy đủ tài sản nên không ai yêu cầu gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 14/12/2023).

2. Việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 2 Điều 164, Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 586 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Buộc **Nguyễn Văn L** phải bồi thường cho anh **Chu Minh K** số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bạch Hưng Thành

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H